

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và
các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 31

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản; nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu; nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; nuôi trồng thủy hải sản, kinh doanh giống hải sản, thức ăn thủy hải sản, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh cao ốc và văn phòng cho thuê.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công Nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Năm nay</i> <i>Ngàn VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>Ngàn VNĐ</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm	(17.180.821)	127.858.906
Cổ tức trả bằng tiền mặt công bố và chi trả trong năm	104.983.348	60.000.000
(Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(98.654.418)	94.995.375

CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Ngày 31 tháng 5 năm 2008, Công ty đã đầu tư 20.000.000 đô-la Mỹ để sở hữu chín mươi phần trăm (90%) quyền biểu quyết trong Mseafood Corporation, một công ty cổ phần được Ông Lê Văn Quang – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thành lập tại Hoa Kỳ năm 2004. Tổng tài sản thuần của Mseafood là 20.200.601 đô-la Mỹ tại ngày mua.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính ngoại trừ vấn đề được trình bày trong đoạn dưới đây và các sự kiện được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Ngày 18 tháng 2 năm 2009, Công ty ký kết Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 01/HĐ/CPVTP.09 để bán phần đầu tư của mình ở Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu với giá bán là 66.665.600 ngàn VNĐ. Giá vốn của khoản đầu tư của Công ty tại đơn vị này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 32.000.000 ngàn VNĐ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Bà Chu Thị Bình	Thành viên
Ông Chu Văn An	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Thành viên
Bà Đinh Thị Ánh Tuyết	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Chu Thị Bình
Thành viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 60752648/13521723

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”) được trình bày từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2008 của họ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: N.1073/KTV

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: N.1070/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		996.091.266	877.381.694
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	85.264.851	10.292.425
111	1. Tiền		14.764.851	10.292.425
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.500.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.3	106.538.861	170.023.080
121	1. Đầu tư ngắn hạn		262.325.642	192.155.937
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(155.786.781)	(22.132.857)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		647.433.485	606.209.480
131	1. Phải thu của khách hàng	5	628.343.686	590.237.615
132	2. Trả trước cho người bán		5.830.858	15.758.590
135	3. Các khoản phải thu khác	6	13.258.941	213.275
140	IV. Hàng tồn kho	7	146.816.940	73.060.589
141	1. Hàng tồn kho		148.682.642	73.060.589
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.865.702)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.037.129	17.796.120
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		456.925	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.733.290	17.615.120
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	1.696.519	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		150.395	181.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.077.291.163	931.307.939
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	21.620.650	9.964.860
	1. Phải thu dài hạn khác		21.620.650	9.964.860
220	II. Tài sản cố định		63.585.789	239.185.571
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	54.456.134	31.155.486
222	Nguyên giá		92.519.384	63.538.686
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.063.250)	(32.383.200)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.509.637	4.903.668
228	Nguyên giá		6.825.906	6.792.032
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.316.269)	(1.888.364)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	4.620.018	203.126.417
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	977.342.341	671.726.055
251	1. Đầu tư vào công ty con		726.028.466	396.318.180
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		32.000.000	32.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		231.033.875	243.407.875
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(11.720.000)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		14.742.383	10.431.453
268	1. Tài sản dài hạn khác	14	14.742.383	10.431.453
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.073.382.429	1.808.689.633

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.225.449.397	824.275.507
310	I. Nợ ngắn hạn		1.023.282.484	624.275.507
311	1. Vay ngắn hạn	15	597.139.436	577.622.190
312	2. Phải trả cho người bán	16	410.260.219	38.720.751
313	3. Người mua trả tiền trước		2.025.179	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		387.824	1.242.444
315	5. Phải trả công nhân viên		1.785.093	1.895.353
316	6. Chi phí trích trước		287.742	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	11.396.991	4.794.769
330	II. Nợ dài hạn		202.166.913	200.000.000
335	1. Vay và nợ dài hạn	18	200.000.000	200.000.000
337	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		2.166.913	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	847.933.032	984.414.126
410	I. Vốn chủ sở hữu		832.831.042	980.687.069
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000	700.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		177.876.869	177.876.869
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		48.864.390	7.814.825
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.744.201	-
420	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối		(98.654.418)	94.995.375
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		15.101.990	3.727.057
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.101.990	3.727.057
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.073.382.429	1.808.689.633

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (Đôla Mỹ)	994.338	8.075

Lê Ngọc Vân
Người lập biểu

Lưu Minh Trung
Kế Toán Trưởng

Chu Thi Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	3.729.138.035	3.307.419.875
02	2. Các khoản giảm trừ	20.1	(19.835.053)	(3.174.246)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	20.1	3.709.302.982	3.304.245.629
11	4. Giá vốn hàng bán		(3.465.870.318)	(3.141.419.556)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng		243.432.664	162.826.073
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	139.878.247	99.524.962
22	7. Chi phí tài chính	21	(347.446.469)	(63.679.607)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		141.209.605	37.241.655
24	8. Chi phí bán hàng		(83.973.243)	(51.891.756)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(17.120.013)	(12.245.729)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(65.228.814)	134.533.943
31	11. Thu nhập khác	22	258.730.457	3.087.872
32	12. Chi phí khác	22	(210.682.464)	(129.573)
40	13. Lợi nhuận khác	22	48.047.993	2.958.299
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(17.180.821)	137.492.242
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	-	(9.633.336)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(17.180.821)	127.858.906
70	18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	19.3	(245)	2.043

Lê Ngọc Vân
Người lập biểu

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Chu Thị Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		(17.180.821)	137.492.242
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11	7.627.078	6.172.680
03	Các khoản dự phòng	7, 13	147.239.626	22.132.857
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	812.598
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(117.897.619)	-
06	Chi phí lãi vay	21	141.209.605	37.241.655
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		160.997.869	203.852.032
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		198.676.965	(177.854.461)
10	Tăng hàng tồn kho		(75.622.053)	(14.990.500)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		381.977.231	(89.524.260)
12	Tăng chi phí trả trước		(426.320)	-
13	Tiền lãi vay đã trả		(141.209.605)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(2.500.000)	(7.500.000)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	4.351
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.449.606)	(2.548.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		506.444.481	(88.561.680)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(43.041.723)	(208.508.162)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		25.000.000	-
23	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào ngân hàng		(474.794.569)	(516.799.993)
24	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.905.095	-
25	Tiền thu từ lãi cho vay, lãi ngân hàng và cổ tức		107.925.244	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(346.005.953)	(725.308.155)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	217.876.869
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.838.070.841	3.306.906.015
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.818.553.595)	(2.715.269.130)
36	Cổ tức đã trả	19.1	(104.983.348)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(85.466.102)	809.513.754
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		74.972.426	(4.356.081)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		10.292.425	14.645.597
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	2.909
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	85.264.851	10.292.425

Lê Ngọc Vân
Người lập biểu

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Chu Thị Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau (SKHĐTCM) cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
6103000072	
Điều chỉnh lần thứ 1	ngày 25 tháng 5 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ 2	ngày 12 tháng 11 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất do SKHĐTCM cấp ngày 25 tháng 5 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 600.000.000 ngàn đồng Việt Nam lên 700.000.000 ngàn đồng Việt Nam. Bản điều chỉnh lần thứ nhất cũng chuẩn y điều chỉnh giảm tỷ lệ sở hữu chung của Ông Lê Văn Quang – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, và bà Chu Thị Bình – thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc và là Vợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty từ 98,34% xuống còn 45,57%, và tỷ lệ sở hữu của Ông Chu Văn An - thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 1,66% xuống còn 1,57%.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai do SKHĐTCM cấp ngày 12 tháng 11 năm 2007 phê chuẩn việc mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty bao gồm nuôi trồng thủy sản; kinh doanh giống hải sản, thức ăn chăn nuôi thủy sản và vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh cao ốc và văn phòng cho thuê.

Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 87/GPPH ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Công ty con	Cà Mau - Việt Nam	Sản xuất và xuất khẩu	97,50
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Công ty con	Cà Mau - Việt Nam	Sản xuất và xuất khẩu	95,00
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Công ty con	Kiên Giang - Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản	99,10
Công ty TNHH Sản Xuất Giống Thủy sản Minh Phú	Công ty con	Ninh Thuận - Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản	98,50
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	Công ty con	Hậu Giang - Việt Nam	Sản xuất	100,00
Công ty TNHH Một Thành viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	Công ty con	Cà Mau - Việt Nam	Sản xuất	100,00
Mseafood Corporation	Công ty con	California - Hoa Kỳ	Thương mại	90,00
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng tàu	Công ty liên kết	Vũng Tàu - Việt Nam	Thương mại	35,56

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Ngoại trừ Mseafood Corporation được thành lập tại Hoa Kỳ, các công ty con khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản; nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu; nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; nuôi trồng thủy hải sản, kinh doanh giống hải sản, thức ăn thủy hải sản, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh cao ốc và văn phòng cho thuê.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công Nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 4.179 người (2007: 3.225 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước - xuất trước. |
| Thành phẩm và sản phẩm dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước xuất trước. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện chi phí để có được quyền sử dụng đất.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	43 - 45 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay.

3.9 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn giá trị thị trường vào thời điểm cuối năm.

3.12 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trích lập trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn một năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các hướng dẫn liên quan.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi theo tỷ giá bình quân gia quyền trong năm liên quan. Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty được ghi nhận trực tiếp là vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế đã bị hoãn lại được ghi nhận trong chỉ tiêu vốn chủ sở hữu và liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó sẽ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

Quỹ đào tạo

Quỹ đào tạo được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm tài trợ kinh phí cho việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân viên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thông thường là khi hàng hóa được chuyển giao cho người mua.

Lãi hoạt động đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận là doanh thu khi khoản đầu tư được bán. Lãi từ khoản đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền nhận thanh toán cổ tức của cổ đông được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được mua bởi Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập Công ty hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập Công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VNĐ Số đầu năm</i>
Tiền mặt	743.150	1.995.175
Tiền gửi ngân hàng	11.137.499	8.297.250
Tiền đang chuyển	2.884.202	-
Tương đương tiền	<u>70.500.000</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>85.264.851</u>	<u>10.292.425</u>

Khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất trung bình 1,20% / tháng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VNĐ Số đầu năm</i>
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	554.712.739	530.781.007
Phải thu từ bên thứ ba	<u>73.630.947</u>	<u>59.456.608</u>
TỔNG CỘNG	<u>628.343.686</u>	<u>590.237.615</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VNĐ Số đầu năm</i>
Lãi tiền gửi, vay phải thu	13.220.540	-
Các khoản phải thu khác	<u>38.401</u>	<u>213.275</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.258.941</u>	<u>213.275</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	6.619.097	2.806.115
Công cụ, dụng cụ	1.782.415	745.042
Thành phẩm	139.431.789	66.455.544
Hàng hóa	849.341	3.053.888
	148.682.642	73.060.589
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.865.702)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	146.816.940	73.060.589

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Số dư này thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa vào ngân sách nhà nước.

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu nhân viên (i)	18.512.650	1.856.860
Phải thu khác	3.108.000	8.108.000
TỔNG CỘNG	21.620.650	9.964.860

(i) Đây là khoản vay phải thu dài hạn từ công nhân viên của Công ty. Các khoản vay này không chịu lãi suất, không yêu cầu thế chấp và được cấp để hỗ trợ mua nhà cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VNĐ

	<i>Nhà cửa & vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	20.642.864	35.538.426	3.606.104	3.751.292	63.538.686
Tăng trong năm	8.337.623	20.619.878	2.500.543	211.995	31.670.039
<i>Trong đó</i>					
<i>Mua mới</i>	1.701.337	20.190.174	1.994.695	184.868	24.071.074
<i>Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	6.636.286	429.704	505.848	27.127	7.598.965
Giảm trong năm	(998.836)	(1.690.505)	-	-	(2.689.341)
<i>Trong đó</i>					
<i>Thanh lý</i>	(998.836)	(1.690.505)	-	-	(2.689.341)
<i>Nhượng bán</i>					
Số cuối năm	<u>27.981.651</u>	<u>54.467.799</u>	<u>6.106.647</u>	<u>3.963.287</u>	<u>92.519.384</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.407.292	16.401.564	117.455	427.457	18.353.768
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(7.885.816)	(22.374.875)	(378.463)	(1.744.046)	(32.383.200)
Khấu hao trong năm	(2.176.371)	(3.771.639)	(706.447)	(544.716)	(7.199.173)
Giảm trong năm	-	1.519.123	-	-	1.519.123
Số cuối năm	<u>(10.062.187)</u>	<u>(24.627.391)</u>	<u>(1.084.910)</u>	<u>(2.288.762)</u>	<u>(38.063.250)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>12.757.048</u>	<u>13.163.551</u>	<u>3.227.641</u>	<u>2.007.246</u>	<u>31.155.486</u>
Số cuối năm	<u>17.919.464</u>	<u>29.840.408</u>	<u>5.021.737</u>	<u>1.674.525</u>	<u>54.456.134</u>

Tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 17.

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	6.217.396	574.636	6.792.032
Tăng trong năm	-	33.874	33.874
Số cuối năm	<u>6.217.396</u>	<u>608.510</u>	<u>6.825.906</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(1.873.156)	(15.208)	(1.888.364)
Khấu trừ trong năm	<u>(334.581)</u>	<u>(93.324)</u>	<u>(427.905)</u>
Số cuối năm	<u>(2.207.737)</u>	<u>(108.532)</u>	<u>(2.316.269)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>4.344.240</u>	<u>559.428</u>	<u>4.903.668</u>
Số cuối năm	<u>4.009.659</u>	<u>499.978</u>	<u>4.509.637</u>

Tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 17.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng cơ bản	148.254	203.109.817
Mua tài sản cố định	<u>4.471.764</u>	<u>16.600</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.620.018</u>	<u>203.126.417</u>

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Ngàn VNĐ				
Công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Số tiền
Công ty Cổ phần Mseafood (*)	90,00	California – Hoa Kỳ	Kinh doanh	323.162.400
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (*)	97,50	Cà Mau – Việt Nam	Sản xuất và xuất khẩu	195.000.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (*)	95,00	Cà Mau – Việt Nam	Sản xuất và xuất khẩu	95.000.000
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang (*)	99,10	Kiên Giang – Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản	49.550.000
Công ty Nuôi Trồng Thủy sản Minh Phú (*)	98,50	Ninh Thuận – Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản	29.550.000
Công ty TNHH Một Thành viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (**)	100,00	Cà Mau – Việt Nam	Sản xuất	3.200.567
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú -Hậu Giang (**)	100,00	Hậu Giang – Việt Nam	Sản xuất	30.565.499
TỔNG CỘNG				726.028.466

(*) công ty con đang hoạt động

(**) công ty con trong giai đoạn trước hoạt động

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cuối năm Giá trị đầu tư Ngàn VNĐ	Số đầu năm Giá trị đầu tư Ngàn VNĐ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	35,56	32.000.000	32.000.000	Dầu khí

Ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã có kế hoạch thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu. Ngày 18 tháng 2 năm 2009, Công ty ký kết Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 01/HĐ/CPVTP.09 để rút phần đầu tư của mình tại công ty trên với giá chuyển nhượng là 66.665.600 ngàn VNĐ.

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

13.3 Các khoản đầu tư khác

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán giao dịch	209.566.154	192.155.937
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán vốn	(155.786.781)	(22.132.857)
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	52.374.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	385.488	-
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	106.538.861	170.023.080
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	32.000.000	32.000.000
Chứng khoán dài hạn (i)	200.000.000	200.000.000
Trái phiếu dài hạn (ii)	26.033.875	26.033.875
Đầu tư dài hạn khác (iii)	5.000.000	17.374.000
	263.033.875	275.407.875
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(11.720.000)	-
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	251.313.875	275.407.875

- (i) Chứng khoán dài hạn là khoản đầu tư vào Quỹ Tầm nhìn SSI.
- (ii) Trái phiếu dài hạn là khoản đầu tư vào Trái phiếu của SSI.
- (iii) Đầu tư khác trị giá 5.000.000 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là khoản đầu tư góp 10% vốn vào Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau.

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác là tiền gửi ký quỹ, ký cược có lãi suất tại Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Cà Mau dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trong vụ kiện chống bán phá giá của Mseafood Corporation, một công ty con của Công ty.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	577.101.482	577.622.190
Chiết khấu chứng từ có giá	18.055.040	-
Vay tín chấp	1.982.914	-
TỔNG CỘNG	597.139.436	577.622.190

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

15.2 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	321.541.482	từ ngày 30 tháng 12 năm 2008 đến ngày 30 tháng 4 năm 2009	từ 10,8% đến 12% /năm	Tài sản cố định, các khoản phải thu
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	155.560.000	từ ngày 19 tháng 12 năm 2008 đến ngày 19 tháng 4 năm 2009	từ 10% /năm đến 10,8% /năm	Doanh thu
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	100.000.000	từ ngày 23 tháng 12 năm 2008 đến ngày 23 tháng 4 năm 2009	từ 10,2% đến 10,8% /năm	Tiền gửi
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	18.055.040	Vay luân chuyển, từ ngày 30 tháng 12 năm 2008	7% /năm	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	<u>1.982.914</u>	Vay luân chuyển, từ ngày 28 tháng 11 năm 2008	7.5% /năm	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
TỔNG CỘNG	<u>597.139.436</u>			

16. PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	383.005.677	14.498.382
Phải trả bên thứ ba	<u>27.254.542</u>	<u>24.222.369</u>
TỔNG CỘNG	<u>410.260.219</u>	<u>38.720.751</u>

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	7.228.951	660.957
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000	4.000.000
Kinh phí công đoàn	168.040	133.812
TỔNG CỘNG	<u>11.396.991</u>	<u>4.794.769</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trái phiếu (i)	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>200,000,000</u>	<u>200,000,000</u>

(i) Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi 5 năm phát hành ngày 31 tháng 12 năm 2007 lãi suất 9,98%/năm, tiền lãi trả ngày 31 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Minh Phú

B01-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Quỹ đào tạo	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:							
Số đầu năm	600.000.000	-	-	-	-	38.858.706	638.858.706
Cổ phiếu mới phát hành	100.000.000	177.876.869	-	-	-	-	277.876.869
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	127.858.906	127.858.906
Phân chia lợi nhuận	-	-	7.814.825	3.727.057	-	(11.722.237)	(180.355)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)
Số cuối năm	<u>700.000.000</u>	<u>177.876.869</u>	<u>7.814.825</u>	<u>3.727.057</u>	<u>-</u>	<u>94.995.375</u>	<u>984.414.126</u>
Năm hiện hành:							
Số đầu năm	700.000.000	177.876.869	7.814.825	3.727.057	-	94.995.375	984.414.126
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(17.180.821)	(17.180.821)
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	(104.983.348)	(104.983.348)
Phân chia lợi nhuận	-	-	47.764.618	18.976.805	4.744.201	(71.485.624)	-
Sử dụng quỹ	-	-	(6.715.053)	(7.601.872)	-	-	(14.316.925)
Số cuối năm	<u>700.000.000</u>	<u>177.876.869</u>	<u>48.864.390</u>	<u>15.101.990</u>	<u>4.744.201</u>	<u>(98.654.418)</u>	<u>847.933.032</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Vốn cổ phần

	<i>Số cổ phần</i>	<i>Mệnh giá Ngàn VNĐ</i>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	60.000.000	600.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	<u>10.000.000</u>	<u>100.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	70.000.000	700.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>70.000.000</u>	<u>700.000.000</u>

19.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu (Ngàn VNĐ)	(17.180.821)	127.858.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	62.575.342
Lãi (lỗ) trên cổ phiếu (VNĐ) (Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)	(245)	2.043

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VNĐ Năm trước</i>
Tổng doanh thu	3.729.138.035	3.307.419.875
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.729.138.035	3.307.419.875
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Hàng bán bị trả lại	<u>(19.835.053)</u>	<u>(3.174.246)</u>
Doanh thu thuần	<u>3.709.302.982</u>	<u>3.304.245.629</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa</i>	3.465.870.318	3.141.419.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức được chia	108.963.349	41.158.886
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.366.383	2.351.143
Lãi tiền gửi	14.548.515	1.775.471
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	54.239.462
TỔNG CỘNG	<u>139.878.247</u>	<u>99.524.962</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	145.373.924	22.132.857
Chi phí lãi vay	141.209.605	37.241.655
Lỗ kinh doanh chứng khoán	50.749.563	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.113.377	1.503.699
Chi phí khác	-	2.801.396
TỔNG CỘNG	<u>347.446.469</u>	<u>63.679.607</u>

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	258.730.457	3.087.872
Thu thanh lý tài sản (*)	255.150.909	-
Thu nhập khác	3.579.548	3.087.872
Chi phí khác	(210.682.464)	(129.573)
Chi phí thanh lý tài sản (*)	(210.015.592)	(129.573)
Chi phí khác	(666.872)	-
Giá trị thuần	<u>48.047.993</u>	<u>2.958.299</u>

(*) Ngày 20 tháng 12 năm 2008, Công ty thanh lý tòa nhà đang xây dựng tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Phú, bên liên quan của Công ty trong đó, Ông Lê Văn Quang – Chủ tịch Hội đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc và vợ của Ông Lê Văn Quang là Bà Chu Thị Bình – Thành viên của Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc góp 90% vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Phú mua lại tòa nhà theo hợp đồng ngày 20 tháng 12 năm 2008 với giá mua là 16.000.000 đô-la Mỹ tương đương với 278.400.000 ngàn VNĐ, bao gồm thuế GTGT. Tổng giá trị của hợp đồng bao gồm giá trị khu đất là 22.660.000 ngàn VNĐ và tòa nhà trị giá 232.490.909 ngàn VNĐ (chưa bao gồm thuế GTGT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“thuế TNDN”)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho hai năm 2007 và 2008 theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 của Bộ Tài chính áp dụng cho các Công ty đăng ký trên sàn giao dịch chứng khoán.

23.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi/lỗ theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận trước thuế	(17.180.821)	137.492.242
Điều chỉnh các khoản giảm lợi nhuận kế toán		
Thu nhập từ cổ tức	(108.963.349)	(41.158.886)
(Lỗ) lợi nhuận điều chỉnh	(126.144.170)	96.333.356
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	9.633.336
Thuế TNDN phải nộp (phải thu) đầu năm	803.481	(1.329.855)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.500.000)	(7.500.000)
Số dư thuế TNDN (phải thu) phải nộp cuối năm	(1.696.519)	803.481

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận

Dưới đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 không được ghi nhận do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Số tiền</i>
Lỗ thuế chuyển sang	126.144.170
TỔNG CỘNG	126.144.170

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 126.144.170 ngàn VNĐ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị Ngàn VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Minh Phú	Bên liên quan	Thanh lý tòa nhà tại Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	278.400.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Công ty con	Doanh thu bán hàng Mua hàng	891.714.461 1.119.660.800
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Công ty con	Doanh thu bán hàng Mua hàng	535.186.008 529.757.636
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Công ty con	Mua hàng	85.839.660
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Khoản cho Công ty mượn không chịu lãi suất Khoản Công ty mượn đã trả trong năm	66.561.466 67.002.000
Bà Chu Thị Bình	Vợ của Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc	Khoản cho Công ty mượn không chịu lãi suất Khoản Công ty mượn đã trả trong năm	61.638.242 65.851.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Phải thu khác			
Mseafood Corporation	Công ty con	Thu bán hàng	304.152.739
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Phú	Bên liên quan	Thu thanh lý tòa nhà tại Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	<u>250.560.000</u>
			<u>554.712.739</u>
Các khoản phải trả khác			
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Công ty con	Phải trả do mua hàng	252.770.315
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Công ty con	Phải trả do mua hàng	111.559.981
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Công ty con	Phải trả do mua hàng	18.675.381
			<u>383.005.677</u>
Bà Chu Thị Bình	Vợ của Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc	Khoản cho Công ty mượn không chịu lãi suất	7.121.843
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Khoản cho Công ty mượn không chịu lãi suất	<u>107.108</u>
			<u>7.228.951</u>

Các khoản Công ty mượn từ Ông Lê Văn Quang và Bà Chu Thị Bình là khoản mượn không chịu lãi suất, tín chấp và hoàn trả theo yêu cầu.

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng ngoại trừ sự kiện nêu bên dưới và các sự kiện đã trình bày ở các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.

Ngày 18 tháng 2 năm 2009, Công ty ký kết Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 01/HĐ/CPVTP.09 để bán phần đầu tư của mình ở Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu với giá mua là 66.665.600 ngàn VNĐ. Giá vốn của khoản đầu tư của Công ty tại đơn vị này là 32.000.000 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

26. CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một vài dữ liệu của báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày dưới dạng các số liệu đối chiếu đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày của năm tài chính này.

Lê Ngọc Vân
Người lập biểu

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Chu Thị Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2009